

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25-02-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Diệp;
2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 836/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Văn V, sinh năm 1992; thường trú: Thôn H L, xã H D, huyện H H, tỉnh Thái Bình; tạm trú: Số 39/6 đường M, khu phố Đ T, phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990; thường trú: Xã Th L, huyện Th H, tỉnh H T; tạm trú: Nhà không số nằm giữa số nhà 780/17A (tổ 17) khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương và số nhà 388/7B (tổ 17) khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Đỗ Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn V và chị Nguyễn Thị M sau thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng thì tiến hành kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký

kết hôn tại UBND xã H D, huyện H H, tỉnh Thái Bình, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 25/7/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại số 39/6 đường M, khu phố Đ T, phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Đầu năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chính vì mâu thuẫn gia đình nên anh V đã làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị M nhưng không được Tòa án chấp nhận, sau đó vợ chồng mỗi người có cuộc sống riêng cho đến nay. Nay anh V xác định tình cảm không còn với vợ nên anh V được yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Ngọc Bảo A, sinh ngày 04/02/2017. Sau khi ly hôn, anh V yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị M:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai ngày 17/11/2020, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/12/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 29/01/2021 và 25/02/2021 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của anh V và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Việt và chị Mến do Tòa án tiến hành ngày 16/11/2020, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Anh V và chị M trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án anh V không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 29/01/2021 và ngày 25/02/2021 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016 anh Đỗ Văn V và chị Nguyễn Thị M tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H D, huyện H H, tỉnh Thái Bình, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 cấp ngày 25/7/2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Anh V xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, hiện nay hai vợ chồng sống ly thân nên anh V yêu cầu được ly hôn với chị M. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị M đến làm việc nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, chị M không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, chị M cũng không có văn bản thể hiện thiện chí đưa ra phương án hàn gắn mối quan hệ giữa chị với anh V, hơn nữa đây là lần thứ hai anh V làm đơn khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu ly hôn với chị M, vì vậy có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của anh V và chị M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh V yêu cầu được ly hôn với chị M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Ngọc Bảo A, sinh ngày 04/02/2017. Hiện con chung đang ở cùng với anh V, nguyên đơn anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng, mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản có nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi dưỡng con chung cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì. Xét thấy, cháu Bảo A hiện đang sinh sống với anh V, anh V là người chăm sóc nuôi dưỡng cũng như đưa đón cháu A đi học hằng ngày đồng thời anh V có chỗ ở, công ăn việc làm ổn định. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cháu Đỗ Ngọc Bảo A cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đỗ Văn V không yêu cầu chị Nguyễn Thị M phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của anh V.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Văn V đối với bị đơn chị Nguyễn Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn V được ly hôn với chị Nguyễn Thị M. (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 do Ủy ban nhân dân xã H D, huyện H H, tỉnh Thái Bình cấp ngày 25/7/2016).

Về con chung: Chị Nguyễn Thị M giao 01 con chung tên Đỗ Ngọc Bảo A, sinh ngày 04/02/2017 cho anh Đỗ Văn V trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Văn V không yêu cầu chị Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Đỗ Văn V và chị Nguyễn Thị M có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Anh Đỗ Văn V phải tạo điều kiện cho chị Nguyễn Thị M trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Văn V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0048716 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa